

Số: /QĐ-THPT AL

An Lão, ngày tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Tổ tự đánh giá mức độ chuyển đổi số**  
**năm học 2025 - 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN LÃO**

*Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;*

*Căn cứ Kế hoạch số 7462/KH-SGDĐT, ngày 08/10/2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về Thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;*

*Căn cứ vào Kế hoạch số 1020/KH-SGDĐT ngày 24/02/2026 về việc đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026;*

*Theo đề nghị của Ông Phó Hiệu trưởng phụ trách CNTT,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Thành lập Tổ tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025 - 2026 của trường THPT An Lão gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2:** Tổ tự đánh giá căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và các văn bản chỉ đạo của các cấp để tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường; lập biên bản tự đánh giá báo cáo nhà trường để làm căn cứ báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng theo quy định.

**Điều 3:** Các tổ chuyên môn, các bộ phận, giáo viên, nhân viên và ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Tổ chuyển đổi số (để thực hiện);
- Như Điều 3;
- Đăng Website và fanpage;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Đức Ngọc**

**DANH SÁCH**  
**Tổ tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường**  
**Năm học 2025 - 2026**

( Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPT AL, ngày tháng 02 năm 2026 của  
 Hiệu trưởng trường THPT An Lão)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Trần Đức Ngọc	Hiệu trưởng	Tổ trưởng	
2.	Vương Văn Huy	Phó Hiệu trưởng	Tổ phó TT	
3.	Nguyễn Thị Là	Phó Hiệu trưởng	Tổ phó	
4.	Nguyễn Văn Dũng	Nhóm trưởng môn Tin	Tổ phó	
5.	Bùi Đình Bắc	Tổ trưởng	Thành viên	
6.	Phạm Thị Hà	Tổ trưởng	Thành viên	
7.	Phạm Minh Hòa	Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
8.	Vũ Văn Dụng	Tổ trưởng	Thành viên	
9.	Phạm Thị Thanh Hương	Tổ trưởng	Thành viên	
10.	Bùi Văn Mười	Tổ trưởng	Thành viên	
11.	Nguyễn Nam Sơn	Tổ trưởng	Thành viên	
12.	Nguyễn Đức Hoàng	TKHĐSP, GV môn Tin	Thư kí	
13.	Phí Thanh Huyền	Giáo viên môn Tin	Thành viên	
14.	Đỗ Thị Mừng	Kế toán	Thành viên	

*Danh sách trên gồm có 14 người./.*

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TỔ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo quyết định số /QĐ-THPT AL ngày /02/2026 của Hiệu trưởng trường THPT An Lão)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Nhiệm vụ	Điện thoại	Email
1	Trần Đức Ngọc	Hiệu trưởng	Tổ trưởng	Điều hành chung	0834363888	tranducngoc@haiphong.edu.vn
2	Vương Văn Huy	PHT	Tổ phó TT	Xây dựng và triển khai Kế hoạch, chỉ đạo. Phụ trách chuyển đổi số trong: Số hóa thông tin quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên; hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) liên thông, ứng dụng các Công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu,..) phục vụ công tác quản lý, điều hành, dự báo. Nghiên cứu khoa học; sở điểm và học bạ điện tử, thông tin quản lý học sinh; thi đua - khen thưởng, hoạt động của Website, Gmail, fanpage và nhóm Zalo của trường.	0909113666	vuongvanhuy@als.edu.vn
3	Nguyễn Thị Là	PHT	Tổ phó	Phụ trách chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm: số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai dạy học qua nền tảng trực tuyến;	0904594045	nguyenthila@als.edu.vn

4	Nguyễn Đức Hoàng	TKHĐSP	Thư kí	Tổng hợp các minh chứng của các bộ chỉ số cùng đồng chí Nguyễn Văn Dũng đưa lên hệ thống; Hoàn thiện các loại: Tờ trình, Báo cáo, Quyết định,... Gửi Sở GD&ĐT; Hỗ trợ các tổ trong triển khai dạy học trực tuyến và các nội dung khác.	0975996457	nguyenduchoang@als.edu.vn
5	Nguyễn Văn Dũng	Tổ phó CM	Tổ phó	Phụ trách CNTT, dữ liệu giáo viên, học sinh; hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) liên thông; Tổng hợp dữ liệu, minh chứng đưa lên hệ thống.	0915652826	nguyenvandung@als.edu.vn
6	Vũ Văn Dụng	TTCM	ủy viên	Hỗ trợ chuyển đổi số trong số hóa thông tin quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên. Phụ trách chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm) thí nghiệm ảo, triển khai dạy học trực tuyến của tổ Lý – Hóa - Sinh;	0928661234	vuvandung@als.edu.vn
7	Phạm Minh Hòa	BTĐT	ủy viên	Hỗ trợ chuyển đổi số trong ứng dụng thi đua - khen thưởng học sinh, nhóm Zalo và fanpage của Đoàn trường.	0904772159	phamminhhoa@als.edu.vn

8	Bùi Văn Mười	TTCM	ủy viên	Phụ trách chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thí nghiệm ảo, triển khai dạy học trực tuyến của tổ Công nghệ - TD - GDQP.	0912109269	buiivanmuoi@als.edu.vn
9	Nguyễn Nam Sơn	TT	ủy viên	Phụ trách chuyển đổi số trong triển khai các thủ tục hành chính trực tuyến thuộc phạm vi nhiệm vụ của tổ thuộc lĩnh vực văn phòng; trang fanpage của nhà trường; CLB phát thanh và truyền thông; hệ thống email của nhà trường; các trang quản lý văn bản,....	0912260888	nguyennamson@als.edu.vn
10	Phạm Thị Hà	TTCM	ủy viên	Phụ trách chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), phòng thí nghiệm ảo, triển khai dạy học trực tuyến của tổ Văn - Sử - Địa.	0397402858	phamthiha@als.edu.vn

11	Phạm Thị Thanh Hương	TTCM	ủy viên	Phụ trách chuyên đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), phòng thí nghiệm ảo, triển khai dạy học trực tuyến của tổ Ngoại ngữ - GDKTPL.	0826172222	phamthithanhuong@als.edu.vn
12	Bùi Đình Bắc	TTCM	ủy viên	Phụ trách chuyên đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), phòng thí nghiệm ảo, triển khai dạy học trực tuyến của tổ Toán - CN10.	0983067458	buidinhbac@als.edu.vn
13	Phí Thanh Huyền	Giáo viên	ủy viên	Hỗ trợ các tổ trong triển khai dạy học trực tuyến và các nội dung khác.	0902054346	phithanhhuyen@als.edu.vn
14	Đỗ Thị Mừng	Kế toán	ủy viên	Phụ trách việc thu các khoản quy định không dùng tiền mặt	0356536559	dothimung10011983@gmail.com

## PHỤ LỤC

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN  
(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Đơn vị tự đánh giá, chấm điểm	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Sử dụng link)
<b>1.</b>	<b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	<b>100</b>					
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)						
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến						
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:	30					
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)		Tối đa 6 điểm				
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).		Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng				
	- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:						

	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		<i>triển khai tối đa 6 điểm.</i>				
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm				
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	20	Tối đa 15 điểm  Tối đa 5 điểm				
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:	20					

	- 100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm;				
			> 60%: tối đa 7 điểm				
	- 100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		< 30%: tối đa 2 điểm;				
			30%-60%: tối đa 4 điểm;				
			> 60%: tối đa 7 điểm				
	- 10% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm;				
			30%-60%: tối đa 4 điểm;				
			> 60%: tối đa 6 điểm				
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:	20	< 20%: tối đa 2 điểm;				
	- 53% phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học		20%-60%: tối đa 5 điểm;				
			> 60%: tối đa 8 điểm				
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]: 2 - 3 em/1 máy (01 phòng 21 máy, 04 máy đã hỏng).		Mức độ 1: tối đa 2 điểm;				
			Mức độ 2: tối đa 5 điểm;				

			<i>Mức độ 3: tối đa 7 điểm</i>				
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		<i>Tối đa 5 điểm</i>				
<b>2.</b>	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	<b>100</b>					
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)						
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số						
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):	70					
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		<i>Tối đa 6 điểm</i>				
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		<i>Tối đa 6 điểm</i>				
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm</i>				

	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		<i>Tối đa 6 điểm</i>				
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm</i>				
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>Tối đa 10 điểm</i>				
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm</i>				
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		<i>Tối đa 6 điểm</i>				
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:	30					
	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)		<i>Tối đa 8 điểm</i>				
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		<i>Tối đa 12 điểm</i>				
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm</i>				